

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
THANH TRA QUẬN



TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN VÀ GIẢI ĐÁP
VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Long Biên - Tháng 11/2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
TÀI LIỆU THAM KHẢO	3
PHẦN I: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN	3
I. NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI	3
II. CÁC DIỆN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	4
1. Diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu	4
2. Diện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	5
3. Diện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.....	5
III. PHẠM VI KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP	8
PHẦN II: HƯỚNG DẪN CÁCH THỰC HIỆN BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP	9
I. ĐỐI VỚI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU VÀ HẰNG NĂM.....	9
II. ĐỐI VỚI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG.....	17
PHẦN III: GIẢI ĐÁP MỘT SỐ VƯỚNG MẮC THƯỜNG GẶP	18
I. NHÓM CÂU HỎI VỀ VIỆC TỔ CHỨC KÊ KHAI.....	18
II. NHÓM CÂU HỎI VỀ ĐỐI TƯỢNG KÊ KHAI	21
III. NHÓM CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG KÊ KHAI.....	23

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018;
- Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Các văn bản của Đảng quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập, gồm:
 - + Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị về ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.
 - + Hướng dẫn số 03-HD/UBKTTW ngày 03/11/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về Hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

PHẦN I

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

I. NGƯỜI CÓ NGHĨA VỤ KÊ KHAI

Là những đối tượng phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập được quy định tại Điều 34 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Luật PCTN), bao gồm 06 nhóm đối tượng sau:

1. Cán bộ, công chức.
2. Sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp.
3. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập. *Hay nói cách khác, đối tượng này chính là viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị sự nghiệp công lập.*
4. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên công tác tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
5. Người được cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
6. Người ứng cử đại biểu Quốc hội, người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân.

* Lưu ý:

- Những trường hợp thuộc một trong 06 đối tượng nêu trên chỉ được xác định là người có nghĩa vụ phải kê khai, còn cụ thể thuộc diện kê khai nào (kê khai lần đầu, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung) thì cần căn cứ vào các điều kiện, quy định cụ thể (được nêu tại mục 2 tiếp theo sau đây).
- Các trường hợp khác (không thuộc một trong 06 nhóm đối tượng nêu trên) thì không phải là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập.

II. CÁC DIỆN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

1. Diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu

Kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (gọi tắt là kê khai lần đầu) là lần thực hiện kê khai đầu tiên và bắt buộc đối với tất cả những người có nghĩa vụ kê khai được quy định tại Điều 34 Luật PCTN (những đối tượng được nêu tại mục I ở trên). Mỗi cá nhân **chỉ có duy nhất một bản kê khai lần đầu**, kể cả sau đó có chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác.

Ý nghĩa của kê khai lần đầu là để xác định tổng số tài sản của một cá nhân có nghĩa vụ kê khai hiện đang sở hữu, nhằm làm cột mốc đầu tiên để làm cơ sở xác định biến động tài sản về sau của người đó trong suốt quá trình công tác. Qua đó, giúp cơ quan có thẩm quyền kịp thời phát hiện những biến động bất thường về tài sản, thu nhập để xác minh, kết luận, xử lý theo quy định pháp luật. Đây là một trong những biện pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định của Luật PCTN.

Kể từ sau ngày 31/3/2021, tất cả những người lần đầu giữ các vị trí quy định tại Điều 34 Luật PCTN thì cơ quan quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai phải chủ động tổ chức hướng dẫn, yêu cầu người đó thực hiện kê khai lần đầu trong vòng 10 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng (đối với công chức), bổ nhiệm (đối với viên chức không giữ chức vụ).

Ví dụ: - Đối với công chức: Ông A sau khi tốt nghiệp đại học đã trúng tuyển kỳ thi tuyển dụng công chức sau ngày 31/3/2021: Cơ quan quản lý, sử dụng ông A có trách nhiệm hướng dẫn cho ông A thực hiện kê khai tài sản lần đầu trong vòng 10 ngày, kể từ ngày ghi trên quyết định tuyển dụng theo quy định.

- Đối với viên chức: Bà A là viên chức không giữ chức vụ của đơn vị sự nghiệp công lập B (theo quy định không thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai như đã nêu tại mục 1), nay được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Trưởng phòng của đơn vị này sau ngày 31/3/2021: Đơn vị B có trách nhiệm hướng dẫn cho bà A thực hiện kê khai tài sản lần đầu trong vòng 10 ngày kể từ ngày được bổ nhiệm chức vụ.

Sau khi hoàn thành việc kê khai lần đầu, định kỳ vào cuối năm, các đối tượng có nghĩa vụ kê khai sẽ thuộc một trong 03 trường hợp sau:

- (1) Diện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm;
- (2) Diện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung;
- (3) Không cần kê khai.

2. Diện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm

Kê khai tài sản, thu nhập hằng năm (gọi tắt là kê khai hằng năm) là diện kê khai tiếp theo sau khi đã hoàn thành việc kê khai lần đầu, dành cho 04 nhóm đối tượng giữ các chức vụ, vị trí công tác đặc biệt nhạy cảm, có nguy cơ tham nhũng, do đó bắt buộc phải thực hiện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm để kiểm soát, phục vụ cho công tác PCTN, kể cả trong trường hợp người đó không có biến động tài sản, thu nhập. Cụ thể gồm các trường hợp sau:

- (1) Giám đốc Sở hoặc tương đương trở lên (**lưu ý:** tất cả những người hưởng hệ số phụ cấp chức vụ bằng hoặc cao hơn 0,9 sẽ được xếp vào đối tượng này);

(2) **Công chức** giữ một trong các ngạch công chức như sau: Chấp hành viên, Điều tra viên, Kế toán viên, Kiểm lâm viên, Kiểm sát viên, Kiểm soát viên ngân hàng, Kiểm soát viên thị trường, Kiểm toán viên, Kiểm tra viên của Đảng, Kiểm tra viên hải quan, Kiểm tra viên thuế, Thanh tra viên, Thẩm phán.

(3) **Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên** (áp dụng cả cán bộ, công chức, viên chức và những người công tác tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ) công tác trong một số lĩnh vực được xác định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Nghị định số 130/2020/NĐ-CP). **Nói cách khác, Phụ lục III chỉ áp dụng cho người có chức vụ.**

* **Cần chú ý:** Những trường hợp (là Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên) được phân công công tác liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác **đều thuộc đối tượng phải kê khai hàng năm.**

Các trường hợp khác cần phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; nhiệm vụ chuyên môn của từng phòng ban phụ trách hoặc văn bản phân công thực hiện, giao nhiệm vụ cụ thể cho cá nhân đó phụ trách để xác định. Nếu có liên quan trực tiếp đến một trong các lĩnh vực được xác định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP thì thuộc đối tượng phải kê khai hàng năm.

- Đối với đối tượng là “Kế toán viên”:

+ Trường hợp kế toán viên là công chức ở các cơ quan hành chính Nhà nước là đối tượng phải kê khai hàng năm;

+ Trường hợp kế toán viên ở các đơn vị sự nghiệp phải là phó trưởng phòng trở lên mới là đối tượng phải kê khai hàng năm.

(4) Người đại diện quản lý phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Diện kê khai tài sản, thu nhập bổ sung

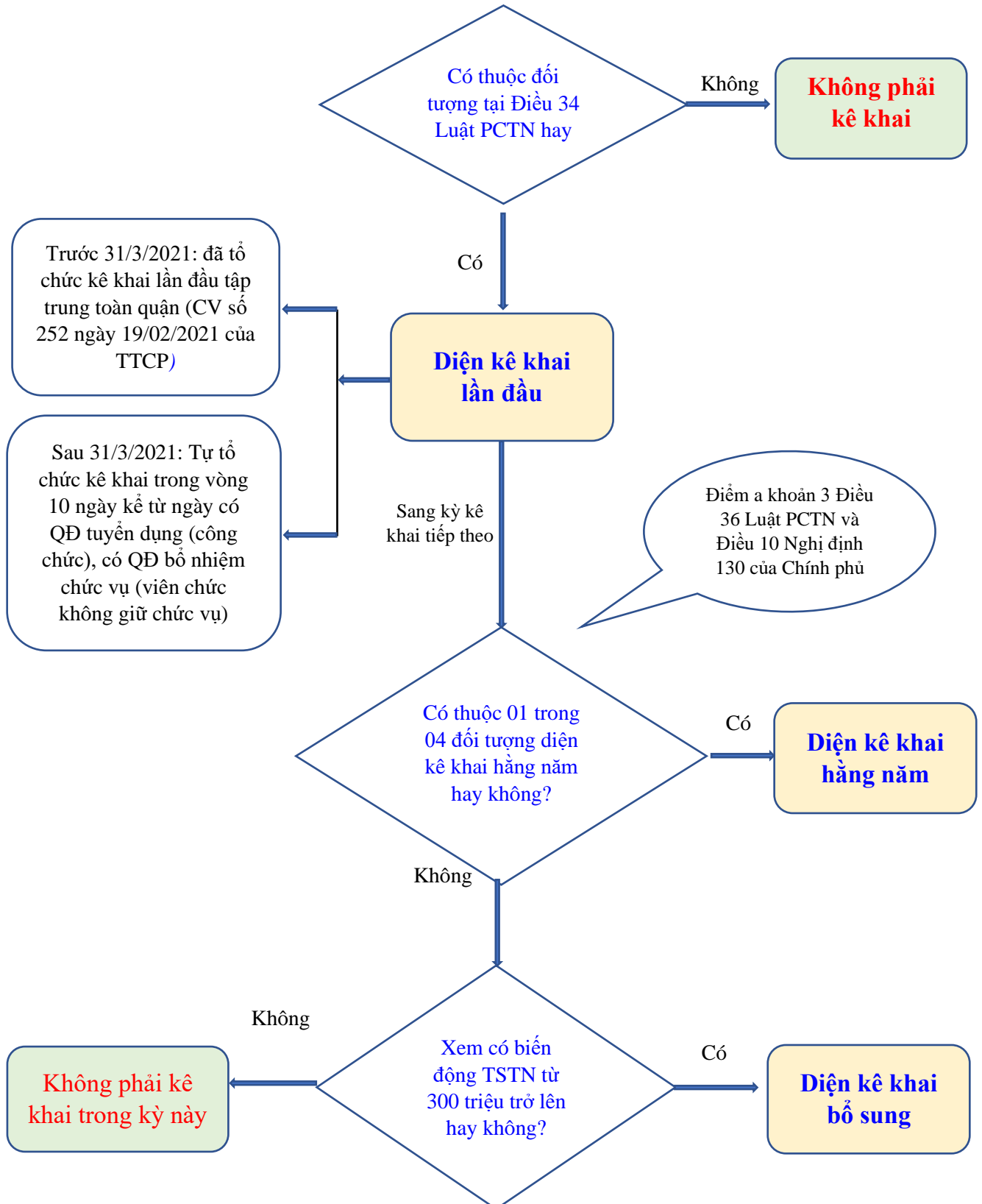
Kê khai tài sản, thu nhập bổ sung (gọi tắt là kê khai bổ sung) là diện kê khai tiếp theo **sau khi đã hoàn thành việc kê khai lần đầu**, dành cho những đối tượng giữ các chức vụ, vị trí ít nhạy cảm, có nguy cơ tham nhũng thấp (bao gồm cả công chức và viên chức), do đó chỉ khi nào có biến động về tài sản, thu nhập từ 300 triệu đồng trở lên trong năm thì mới phải thực hiện kê khai bổ sung. **Đối tượng thuộc diện kê khai bổ sung cần thỏa mãn đủ 02 điều kiện như sau:**

(1) Bản thân thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại Điều 34 Luật PCTN; đã kê khai lần đầu, nay đến kỳ kê khai định kỳ mỗi năm và không thuộc các đối tượng trong diện kê khai hàng năm.

(2) Phải có biến động tài sản, thu nhập trong năm từ 300 triệu đồng trở lên.

* **Lưu ý:** Mỗi cá nhân không thể cùng một lúc vừa thuộc diện kê khai hằng năm và thuộc diện kê khai bổ sung trong một kỳ kê khai; nếu phát sinh trường hợp này là do nhận thức về pháp luật không đúng, phải nghiên cứu lại.

Dưới đây là gợi ý mô hình hóa cách thức xác định diện kê khai tài sản, thu nhập của một cá nhân:



III. PHẠM VI KIỂM SOÁT TÀI SẢN, THU NHẬP

Khác với quy định kê khai tài sản, thu nhập trước đây, hiện nay Luật PCTN đã có quy định cụ thể để phân định phạm vi kiểm soát các bản kê khai tài sản, thu nhập.

Theo đó, căn cứ Điều 30 Luật PCTN và Điều 3 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị, Thanh tra tỉnh liệt kê một số các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có liên quan đến các đối tượng kê khai tài sản, thu nhập trên địa bàn tỉnh như sau:

(1) Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm soát tài sản, thu nhập của người thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

(2) Ủy ban Kiểm tra Thành ủy kiểm soát tài sản, thu nhập những đối tượng như sau:

- Người thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý;
- Người công tác trong cơ quan Đảng cấp tỉnh (trừ những người thuộc diện kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

(3) Ủy ban Kiểm tra Quận ủy kiểm soát tài sản, thu nhập những đối tượng như sau:

- Người thuộc diện Ban Thường vụ Quận ủy quản lý;
- Người công tác trong cơ quan Đảng cấp quận, cấp phường (trừ những người thuộc diện kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy).

(4) Thanh tra thành phố kiểm soát tài sản, thu nhập những người thuộc phạm vi quản lý của chính quyền địa phương (trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý);

(5) Đối với các tổ chức chính trị, xã hội: Tổ chức chính trị, xã hội tại Trung ương kiểm soát các bản kê khai tài sản, thu nhập của tổ chức mình; trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý.

(6) Đối với các cơ quan quản lý theo ngành dọc (Quân đội, Công an, VKSND, TAND), **cơ quan Trung ương đóng tại địa phương** (Cục Hải quan, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước...): Cơ quan Trung ương chủ quản kiểm soát các bản kê khai tài sản, thu nhập của ngành mình; trừ những người thuộc diện Ban Thường vụ các cấp quản lý.

Căn cứ như trên, các cơ quan, địa phương thuộc chính quyền địa phương (cần nhận thức đúng định nghĩa chính quyền địa phương theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương bao gồm Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân các cấp) cần chủ động xây dựng danh sách tự theo dõi những đối tượng thuộc diện kiểm soát của Ủy ban Kiểm tra các cấp và Thanh tra tỉnh nhằm phục vụ triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập khi có chỉ đạo hàng năm.

PHẦN II

HƯỚNG DẪN CÁCH THỰC HIỆN BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

I. ĐỐI VỚI BẢN KÊ KHAI LẦN ĐẦU, KÊ KHAI HẰNG NĂM VÀ KÊ KHAI PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ (áp dụng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)

Các mục cần kê khai	Định hướng một số nội dung kê khai
<p>BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP...</p>	<p>Căn cứ diện kê khai, ghi rõ tên bản kê khai như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HẰNG NĂM - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG - BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ <p>*Lưu ý: Không điều chỉnh, thêm bớt nội dung.</p>
<p>(Ngày ... tháng ... năm ...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi ngày hoàn thành bản kê khai (không phải ngày chốt số liệu). Nên hiểu phần này tương tự như ngày làm báo cáo, còn thời kỳ báo cáo là từ 16/12 năm trước đến 15/12 năm kê khai. <p>Ví dụ: Ông A đang thực hiện kê khai hằng năm vào năm 2023, ngày chốt số liệu tài sản, thu nhập là 15/12/2023; ông A hoàn thành bản kê khai vào ngày 23/12/2023 thì tại mục Ngày tháng năm sẽ ghi là 23/12/2023.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Riêng đối với bản kê khai lần đầu (thực hiện trong 10 ngày kể từ ngày được tuyển dụng, bổ nhiệm, xếp vào ngạch) thì ghi ngày chốt số liệu kê khai lần đầu là ngày hoàn thành bản kê khai để làm mốc phục vụ cho các lần kê khai tiếp theo. <p>Ví dụ: Bà B có quyết định tuyển dụng vào công chức vào ngày 05/6/2023, theo quy định thì trong thời hạn 10 ngày, bà B phải hoàn thành việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu. Ngày 12/6/2023, bà B hoàn thành việc thực hiện bản kê khai lần đầu, theo đó, phần “ngày tháng năm” sẽ ghi là “ngày 12 tháng 6 năm 2023”, đây cũng là ngày chốt số liệu kê khai lần đầu.</p>
<p>I. THÔNG TIN CHUNG</p>	<p>Ghi chi tiết thông tin cá nhân, vợ/chồng và con chưa thành niên tính tại thời điểm kê khai theo mẫu.</p>

<p>II. THÔNG TIN MÔ TẢ TÀI SẢN</p>	<p>- Tài sản phải kê khai là tài sản hiện có thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người kê khai, của vợ hoặc chồng và con đẻ, con nuôi (nếu có) chưa thành niên theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp tài sản (đất, nhà, xe...) đã mua bán nhưng chưa lập thủ tục sang tên vẫn phải kê khai, đồng thời giải trình, giải thích rõ ở mục “thông tin khác”.</p>
<p>1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất</p>	<p>Thống nhất chỉ kê khai những thửa đất mà bản thân có quyền sử dụng được pháp luật công nhận (bao gồm cả thửa đất chưa được cấp Giấy CNQSDĐ).</p> <p>- Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ thì phải ghi rõ số Giấy CNQSDĐ, diện tích được cấp (ghi chi tiết từng loại đất) ngày tháng năm cấp, tên cơ quan cấp và tên người được cấp hoặc tên người đại diện (nếu Giấy CNQSDĐ cấp chung của nhiều người) và phải nêu rõ lý do ở mục “Thông tin khác”.</p> <p>- Đối với trường hợp chưa được cấp Giấy CNQSDĐ thì diện tích thửa đất ghi theo số thực tế đo được; đồng thời:</p> <p>+ Nếu thửa đất do bản thân nhận sang nhượng thì kê khai thửa đất, trong đó ghi rõ vào mục Giấy CNQSDĐ là “chưa được cấp giấy” kèm lý do (ví dụ chưa làm thủ tục).</p> <p>+ Nếu thửa đất được tặng, cho thì chỉ kê khai khi có giấy tờ thể hiện việc tặng, cho quyền sử dụng đất; trường hợp chỉ có giấy ủy quyền thì nội dung ủy quyền phải thể hiện được ủy quyền tất cả các quyền cơ bản của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <p>+ Nếu thửa đất đang sử dụng/đang ở nhờ, ở chung, được cho mượn, cho thuê... thì không kê khai.</p>
<p>1.1. Đất ở</p>	<p>- Kê khai đầy đủ các thông tin theo quy định của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Đất ở là đất được sử dụng vào mục đích ở theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp trong cùng thửa đất có nhiều loại đất khác nhau mà trong đó có đất ở thì kê khai thửa đất đó vào mục “Đất ở”, trong phần diện tích phải ghi rõ tổng diện tích và diện tích của mỗi loại đất; Lưu ý: không kê khai lại vào mục đất khác.</p> <p>- Giá trị:</p> <p>+ Ghi rõ giá trị sang nhượng, mua bán (đơn vị VNĐ) tại thời điểm nhận sang nhượng, mua bán theo đúng hợp đồng mua bán kèm phí, lệ phí. Trường hợp giá sang nhượng được tính bằng vàng hoặc bằng đồng USD thì quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm sang nhượng.</p>

	<p>+ Trường hợp được tặng, cho thì ghi theo giá thị trường tại thời điểm nhận tặng, cho và ghi kèm theo chữ “Giá trị ước tính” (Ví dụ: Giá trị ước tính khoảng 500.000.000 đồng).</p> <p>+ Trường hợp không thể xác định được giá trị vì lý do khách quan thì ghi rõ “Không xác định được giá trị” kèm theo lý do. Lưu ý: nếu lý do không hợp lý, khách quan sẽ được xem như kê khai không đầy đủ.</p>
1.2. Các loại đất khác	Kê khai tương tự như kê khai về đất ở
2.1. Nhà ở	<p>- Kê khai đầy đủ các thông tin theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Trường hợp đang ở nhờ, ở chung, ở nhà được cho thuê (nhà của người khác) thì không kê khai.</p> <p>- Về diện tích:</p> <p>+ Nhà ở riêng lẻ, biệt thự: Ghi rõ tổng diện tích (m²) sàn xây dựng của tất cả các tầng bao gồm cả các tầng hầm, tầng nửa hầm, tầng kỹ thuật, tầng áp mái và tầng mái tum.</p> <p>+ Căn hộ: Ghi theo giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng mua, cho thuê của Nhà nước.</p>
2.2. Công trình xây dựng khác	Kê khai những loại công trình xây dựng khác không phải là nhà ở như: công trình điện mặt trời, trạm BTS... vào mục này.
3.1. Cây lâu năm	<p>- Kê khai những loại cây trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm mà mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, gồm các loại: cây công nghiệp lâu năm, cây ăn quả lâu năm, cây lâu năm lấy gỗ, cây tạo cảnh, bóng mát.</p> <p>- Cây thuộc rừng sản xuất thì không ghi vào mục này (phải khai ở mục 3.2).</p>
3.2. Rừng sản xuất	Kê khai rừng SX là rừng trồng bằng vốn chủ rừng tự đầu tư (vốn tự có, vốn vay, vốn liên doanh, liên kết...).
3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất	Kê khai những vật kiến trúc như giếng, hàng rào, cửa công, hòn non bộ... gắn với nhà ở nhưng không phải là công trình xây dựng khác đã kể trên, mỗi loại có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên thì kê khai tại mục này.
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên	<p>Kê khai tất cả các kim loại quý đang sở hữu có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>Ví dụ: Có 02 chiếc nhẫn vàng, giá trị mỗi chiếc dưới 50 triệu nhưng tổng giá trị của 02 chiếc bằng 50 triệu trở lên thì phải kê khai.</p>

<p>5. Tiền</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kê khai tất cả các khoản tiền theo mệnh giá VNĐ đang hiện hữu tại mốc kê khai mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tiền mặt; + Tiền cho vay; + Tiền trả trước (là số tiền đã chi trả một phần để mua một tài sản nào đó). <p>Ví dụ: Ông A muốn mua một căn nhà với giá 05 tỷ đồng nhưng không có đủ tiền, ông A trả trước 01 tỷ đồng, còn lại vay trả góp 04 tỷ đồng. Số tiền 01 tỷ đồng này được gọi là tiền trả trước.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiền gửi tiết kiệm (gửi cá nhân, tổ chức trong nước, ngoài nước): Bao gồm tiền trong các tài khoản thanh toán và các sổ tiết kiệm. <p>Ví dụ: Tại mốc kê khai 30/11/2023, ông A có 20 triệu đồng trong thẻ ATM, có 05 triệu đồng đang cho bà B vay, có 01 số TK chưa đáo hạn giá trị 20 triệu đồng và có 05 triệu đồng tiền mặt. Như vậy, tổng giá trị tiền ông A đang có là 50 triệu đồng nên phải kê khai tất cả các khoản tiền trên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với những loại tiền ngoại tệ cần phải ghi rõ số lượng và giá trị quy đổi sang mệnh giá VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm kê khai.
<p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá trị khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. - Kê khai số lượng và giá trị cổ phiếu, trái phiếu đã mua có tổng giá trị từ 50 triệu trở lên. - Giấy tờ có giá trị khác, cụ thể như: chứng chỉ quỹ, kỳ phiếu, séc... - Vốn góp: Ghi từng hình thức góp vốn đầu tư KD, bao gồm đầu tư trực tiếp (do người kê khai, vợ hoặc chồng của người kê khai trực tiếp đứng tên đầu tư) và đầu tư gián tiếp (người kê khai, vợ hoặc chồng của người kê khai tham gia góp vốn đầu tư thông qua một cá nhân hay tổ chức khác và do cá nhân, tổ chức khác đứng tên đầu tư, KD). <p>Ví dụ: Người kê khai A cùng với ông B và C góp vốn kinh doanh 10 máy bán nước tự động có tổng giá trị là 01 tỷ đồng, trong đó ông A góp 400 triệu đồng. Như vậy ông A phải kê khai ở mục “6.3. Vốn góp” như sau:</p> <p>6.3. Vốn góp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức góp vốn: Góp vốn trực tiếp đầu tư kinh doanh 10 máy bán nước tự động. Giá trị: 400 triệu đồng (tổng giá trị đầu tư là 01 tỷ đồng).

<p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)</p>	<p>- Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Kê khai theo mỗi loại tài sản mà tổng giá trị mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>Ví dụ: Người kê khai A có 02 chiếc xe mô tô (01 chiếc hiệu Future 125, trị giá 30 triệu đồng; một chiếc hiệu Vision, trị giá 35 triệu đồng), tổng giá trị 02 chiếc xe mô tô do ông A sở hữu là 65 triệu đồng nên phải kê khai.</p>
<p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)</p>	<p>- Kê khai các loại tài sản khác như cây cảnh, bàn ghế, tranh ảnh và các loại tài sản khác mà giá trị quy đổi mỗi loại từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>- Nguyên tắc kê khai tương tự như trên.</p>
<p>8. Tài sản ở nước ngoài</p>	<p>Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p>
<p>9. Tài khoản ở nước ngoài</p>	<p>Kê khai theo quy định của Phụ lục ban hành kèm Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.</p>
<p>10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai</p>	<p>- Đối với kê khai lần đầu thì không phải kê khai mục này.</p> <p>- Từ lần kê khai thứ hai trở đi phải kê khai toàn bộ các khoản thu nhập của người kê khai, của vợ/chồng và con chưa thành niên của người kê khai tính từ mốc thời điểm kê khai trước đó đến ngày 15/12 của kỳ kê khai hiện tại.</p> <p>Ví dụ: Ông A hoàn thành bản kê khai lần liền trước vào ngày 30/12/2022 (ông A thuộc diện kê khai hằng năm). Đến kỳ kê khai cuối năm 2023, nếu lấy mốc ngày 15/12 hằng năm là mốc chốt số liệu kê khai hằng năm, theo đó tổng thu nhập giữa hai lần kê khai của ông A sẽ tính từ ngày 30/12/2022 đến ngày 15/12/2023. Sang năm 2024, tổng thu nhập giữa hai lần kê khai của ông A sẽ tính từ ngày 16/12/2023 đến ngày 15/12/2024.</p> <p>- Thu nhập gồm các khoản: Lương, phụ cấp, thưởng, thù lao, được cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, kinh doanh, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác. Nếu thu nhập là ngoại tệ hoặc tài sản khác thì ghi rõ giá trị và quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá tại thời điểm kê khai.</p> <p>- Kê khai riêng tổng thu nhập theo 04 nội dung:</p> <p>(1) Tổng thu nhập của người kê khai: Ghi tổng thu nhập của người kê khai trong kỳ kê khai (không liệt kê chi tiết từng khoản).</p> <p>(2) Tổng thu nhập của vợ/chồng người kê khai: kê khai tương tự như trên.</p>

	<p>(3) Tổng thu nhập của con chưa thành niên, bao gồm con nuôi hợp pháp (nếu có): kê khai tương tự như trên.</p> <p>(4) Tổng các khoản thu nhập chung: Trong trường hợp có những khoản thu nhập chung mà không thể tách riêng thành thu nhập của từng cá nhân thì ghi tổng thu nhập chung vào mục này. Lưu ý: Phần này không phải là tổng của 03 thu nhập nêu trên.</p> <p>Ví dụ: Ông A và vợ có 01 cửa tiệm tạp hóa, trong năm thu nhập phát sinh từ cửa tiệm tạp hóa này là 100 triệu đồng. Nếu ông A và vợ không thể xác định mỗi người chiếm bao nhiêu phần trong 100 triệu đồng này thì khoản thu nhập này được gọi là khoản thu nhập chung; do đó kê khai vào mục “Tổng các khoản thu nhập chung”.</p>
<p>III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện đúng thể thức quy định trong Phụ lục - Trường hợp nếu không có biến động về tài sản thì ghi rõ “Không có biến động” ngay sau tên mục III. - Tại cột Tăng/giảm: <ul style="list-style-type: none"> + Cột số lượng tài sản: Thêm dấu (+) nếu tài sản tăng kèm theo số lượng tài sản; thêm dấu (-) nếu tài sản giảm kèm theo số lượng tài sản (Trừ mục 9 “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”). Lưu ý: Không có dấu (+) hoặc (-) là sai thể thức. + Cột giá trị tài sản, thu nhập: Thể hiện giá trị tài sản như đã kê khai tại Phần II. Đối với những tài sản giảm (ví dụ như đã bán, cho, tặng người khác...) không còn thể hiện tại Phần II thì giá trị giảm phải là giá trị đã kê khai trong bản kê khai trước đó, không phải là giá trị bán được (trường hợp bán tài sản) mà thể hiện số liệu này vào mục “9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”. Ví dụ: Ông A có 01 thửa đất, giá trị lúc mua là 500 triệu đồng và đã thể hiện trong bản kê khai hằng năm năm 2022. Sang năm 2023, ông A bán thửa đất này được 02 tỷ đồng. Như vậy, tại cột giá trị tài sản, thu nhập của thửa đất giảm này cần thể hiện là “-500 triệu đồng”; còn số tiền bán đất 02 tỷ đồng thì ghi vào mục “9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”. - Tại cột Nội dung giải trình: Giải thích rõ ràng, chi tiết nguồn gốc, lý do tăng, giảm tài sản; nội dung phải khách quan, hợp lý và chi tiết trên tinh thần tạo điều kiện để cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập dễ dàng thực hiện việc xác minh. - Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (mục số 9, Phần III), đây là mục đặc thù nhất trong Phần III, không thể hiện biến động như với các mục khác nên thực hiện việc kê khai như sau:

+ Cột số lượng tài sản để trống;

+ Cột giá trị tài sản, thu nhập thể hiện dấu (+) kèm theo tổng thu nhập của 04 thu nhập cộng lại đã được kê khai tại mục số 10 Phần II;

+ Cột nội dung giải trình: Thể hiện chi tiết từng khoản thu nhập phải kê khai (Lương, phụ cấp, trợ cấp, thưởng, thù lao, cho, tặng, biếu, thừa kế, tiền thu do bán tài sản, thu nhập hưởng lợi từ các khoản đầu tư, phát minh, sáng chế, các khoản thu nhập khác). **Ví dụ cụ thể:** Trong kỳ kê khai, ông A bán một thửa đất ở 100 m² ở địa chỉ B, giá trị thửa đất lúc mua là 300 triệu, thu được 3.500 triệu; ông A sử dụng tiền bán thửa đất trên mua 01 căn hộ 80 m² tại chung cư C, giá mua 2.000 triệu và mua một ô-tô Toyota với giá 1.300 triệu, đăng ký biển kiểm soát 30A-655.xx. Thu nhập của ông A là 300 triệu (từ lương và các khoản phụ cấp là 200 triệu, thu nhập từ khám chữa bệnh 100 triệu); thu nhập của con chưa thành niên không có; thu nhập từ các khoản đầu tư của vợ là 800 triệu, sau khi chi tiêu ông A gửi tiết kiệm ở ngân hàng D số tiền 700 triệu.

Như vậy, ông A phải thực hiện kê khai như sau:

* Tại mục 10 “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai”, thuộc phần II “THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN” sẽ ghi là:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai: 4.600 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 300 triệu đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 800 triệu đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không

- Tổng các khoản thu nhập chung: 3.500 triệu đồng”.

* Tại phần III “BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM” ông A phải ghi như sau:

Loại tài sản, thu nhập	Tăng / giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở - Bán thửa đất B	-100m ²	300 triệu	Giảm do bán
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở - Mua căn hộ tại Chung cư C	+80m ²	2.000 triệu	Mua nhà từ tiền bán thửa đất B

	<p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay,... mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>- Gửi tiết kiệm tại ngân hàng D</p>	+01 Số tiết kiệm	500 triệu	Tiết kiệm từ thu nhập
	<p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký</p> <p>- Mua ô tô, số ĐK: 30A-655.xx</p>	+01 chiếc	1.000 triệu	Mua từ tiền bán đất và thu nhập trong năm
	<p>9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.</p>		+4.600 triệu	<p>- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 200 triệu;</p> <p>- Thu nhập từ khám chữa bệnh 100 triệu;</p> <p>- Thu nhập từ các khoản đầu tư của vợ 800 triệu;</p> <p>- Tiền bán thừa đất B 3.500 triệu.</p>

II. ĐỐI VỚI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP BỔ SUNG (áp dụng theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP); cách thức kê khai tương tự như cách thức kê khai đối với bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và hằng năm.

Chú ý: Phần III “THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM” chỉ kê khai về những tài sản mới tăng thêm, không kê khai lại những tài sản đã kê khai trước đó; cách thức kê khai ghi như mục II “THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN” - Mẫu bản kê khai và hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP.

PHẦN III

GIẢI ĐÁP MỘT SỐ VƯỚNG MẮC THƯỜNG GẶP

Tổng hợp những câu hỏi thường gặp trong quá trình tổ chức kê khai, thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập được Trường Cán bộ thanh tra trả lời như sau:

I. NHÓM CÂU HỎI VỀ VIỆC TỔ CHỨC KÊ KHAI

Hỏi: Theo quy định tại khoản 1 điều 34 Luật PCTN năm 2018 thì người có nghĩa vụ kê khai bao gồm: “1. Cán bộ, công chức”. Theo quy định của Luật Cán bộ, công chức hiện hành thì Cán bộ, công chức với cán bộ cấp xã, công chức cấp xã là các khái niệm khác nhau. Như vậy, cán bộ, công chức cấp xã có phải kê khai tài sản, thu nhập hay không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức, công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước...

Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) là công dân Việt Nam, được bầu cử giữ chức vụ theo nhiệm kỳ trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội; công chức cấp xã là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Theo quy định tại Khoản 1 điều 34 Luật PCTN năm 2018 thì người có nghĩa vụ kê khai bao gồm: “1. Cán bộ, công chức”. Như vậy, cán bộ, công chức cấp xã phải kê khai tài sản, thu nhập.

Hỏi: Trước đây do cơ quan tôi xác định tôi không thuộc trường hợp phải kê khai hằng năm nên không yêu cầu tôi phải kê khai hằng năm, tuy nhiên hiện nay sau khi rà soát lại thì cơ quan xác định tôi thuộc trường hợp phải kê khai hằng năm. Vậy tôi có phải kê khai lại bản kê khai hằng năm của những năm trước hay không? Trong trường hợp này tôi có bị xử lý gì không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật PCTN năm 2018 quy định: “Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng người có nghĩa vụ kê khai phải lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai và gửi cho Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền”.

Như vậy, hàng năm cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lập danh sách người có nghĩa vụ kê khai. Nếu trước đây, anh/chị không thuộc danh sách phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm thì anh/chị không cần kê khai lại bản kê khai của những năm trước. Anh/chị sẽ bắt đầu kê khai tài sản, thu nhập hằng năm bắt đầu từ thời

điểm cơ quan anh/chị xác định anh/chị phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm. Anh/chị không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cơ quan anh/chị xác định thiếu người có nghĩa vụ kê khai.

Nếu có căn cứ xác định người đứng đầu cơ quan, tổ chức đơn vị thiếu trách nhiệm trong tổ chức việc kê khai thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật bằng một trong các hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức.

Hỏi: *Sở tôi có công chức A chuyển từ UBND cấp xã lên công tác tại Sở dưới hình thức chuyển từ công chức cấp xã thành công chức, như vậy Sở tôi có cần yêu cầu người này kê khai lần đầu hay không?*

Trả lời: Trước tiên, cần nhận thức rằng mỗi chủ thể có nghĩa vụ kê khai chỉ thực hiện kê khai lần đầu duy nhất một lần để nhằm xác định cột mốc tài sản đầu tiên; sau đó tùy theo thuộc diện kê khai hằng năm hay bổ sung thì tổ chức kê khai theo quy định.

Đối với trường hợp nêu trên, do anh/chị chưa nêu rõ công chức cấp xã này đã thực hiện kê khai lần đầu hay chưa nên có hai tình huống xảy ra:

(1) Trường hợp đã kê khai lần đầu tại UBND xã: Sở không cần yêu cầu công chức A kê khai lần đầu; chỉ cần đề nghị UBND xã phối hợp gửi bản kê khai lần đầu và các bản kê khai sau đó của công chức A thực hiện tại UBND xã (nếu có) để Sở có cơ sở tiếp tục quản lý việc kê khai tài sản, thu nhập của công chức A.

(2) Trường hợp chưa kê khai lần đầu tại UBND xã: Do UBND tỉnh đã triển khai kê khai lần đầu tập trung toàn tỉnh vào đầu năm 2021 (*chốt thời hạn ngày 31/3/2021*). Do đó, kể từ ngày 01/4/2021 trở đi, tất cả các trường hợp lần đầu thuộc đối tượng kê khai quy định tại Điều 34 Luật PCTN đều phải thực hiện kê khai lần đầu trong vòng 10 ngày tính từ ngày tuyển dụng, bổ nhiệm. Trường hợp này có thể UBND xã đã không thực hiện đúng quy định nêu trên. Do vậy, đơn vị tiếp nhận công chức phải yêu cầu công chức A thực hiện kê khai lần đầu.

Hỏi: *Trường hợp 01 viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trong năm được bổ nhiệm vào chức danh Phó trưởng phòng, đã thực hiện kê khai tài sản phục vụ công tác cán bộ theo quy định tại khoản 4, Điều 36, Luật PCTN, khi có Quyết định bổ nhiệm vào chức danh Phó trưởng phòng thì phải kê khai tài sản thu nhập lần đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật PCTN. Vậy xin hỏi trong khi kê khai lần đầu có phải kê khai mục 10, phần II và phần III của bản kê khai không ạ? Vì theo mẫu hướng dẫn thì kê khai lần đầu không phải kê 2 mục này, tuy nhiên trước đó viên chức này đã thực hiện kê khai phục vụ công tác cán bộ rồi. Thời điểm để tính kê khai lần sau là tính theo lần kê khai phục vụ công tác cán bộ hay kê khai lần đầu của viên chức này?*

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 quy định: Kê khai lần đầu được thực hiện với người đang giữ vị trí công tác tại các vị trí như: cán bộ, công chức; sĩ quan Công an nhân dân; sĩ quan Quân đội nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp; người giữ chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở

lên công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, người được cử làm đại diện phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp; người lần đầu giữ các vị trí công tác nêu trên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác. Và tại khoản 4 quy định kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện đối với người có nghĩa vụ kê khai khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác tại các vị trí công tác nêu trên.

Tại mục 2, công văn số 252/ TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ về việc kiểm soát tài sản thu nhập quy định: “Trường hợp phải kê khai tài sản, thu nhập để phục vụ công tác cán bộ mà người đó chưa kê khai tài sản, thu nhập lần đầu theo quy định của Luật PCTN năm 2018 thì thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và sử dụng Bản kê khai lần đầu để phục vụ công tác cán bộ lần đó”. Như vậy, trường hợp viên chức được bổ nhiệm vào chức danh Phó Trưởng phòng, đã thực hiện kê khai tài sản phục vụ công tác cán bộ thì bản kê khai đó được coi là bản kê khai tài sản thu nhập lần đầu. Từ bản kê khai tài sản, thu nhập tiếp theo, người có nghĩa vụ kê khai phải kê khai đầy đủ mục 10 phần II (tổng thu nhập giữa hai lần kê khai) và Phần III. Biến động tài sản thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm theo hướng dẫn tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020.

Hỏi: Theo quy định tại Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP thì các ngạch công chức và chức danh: kiểm tra viên thuế có nghĩa vụ kê khai hằng năm. Hiện nay, theo quy định tại Thông tư số 77/2019/TT-BTC thì công chức ngành thuế gồm có: Kiểm tra viên cao cấp thuế (mã số ngạch 06.036); kiểm tra viên chính thuế (06.037); kiểm tra viên thuế (06.038); kiểm tra viên trung cấp thuế (06.039)... có phải kê khai hằng năm?

Trả lời: Tại khoản 3 Điều 3 Thông tư 29/2022/TT-BTC ban hành ngày 03/6/2022 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ quy định như sau: công chức ngành thuế gồm các chức danh và mã số ngạch như sau: Kiểm tra viên cao cấp thuế (mã số 06.036); Kiểm tra viên chính thuế (mã số 06.037); Kiểm tra viên thuế (mã số 06.038); Kiểm tra viên trung cấp thuế (mã số 06.039); nhân viên thuế (mã số 06.040). Đây là các chức danh và mã số ngạch công chức ngành thuế, gọi chung là kiểm tra viên thuế.

Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định 13 ngạch công chức và chức danh phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, trong đó có kiểm tra viên thuế. Như vậy, công chức và các chức danh nêu trên đều phải kê khai tài sản, thu nhập.

Hỏi: Trong đợt kê khai tài sản thu nhập lần đầu vào 31/3/2021, cơ quan có công chức A thuộc diện kê khai tài sản thu nhập lần đầu (trường hợp này không thuộc đối tượng kê khai hằng năm) nhưng vì một số lý do không có kê khai đợt đó. Tới tháng 11/2023 công chức A tới thời hạn bổ nhiệm lại. Vậy trường hợp này

phương thức kê khai là bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ hay kê khai thu nhập lần đầu, và nên kê khai trong khoảng thời gian nào?

Trả lời: Theo công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/02/2021 của Thanh tra Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập, việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu phải hoàn thành trước ngày 31/3/2021. Tuy nhiên, người thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu không thực hiện việc kê khai là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 và thời hạn được quy định tại mục 1 Công văn số 252/TTCP-C.IV ngày 19/2/2021 của Thanh tra Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập.

Như vậy, với trường hợp này, người có nghĩa vụ kê khai phải thực hiện 01 bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu và 01 bản kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ. Thời điểm kê khai tài sản, thu nhập lần đầu ngay khi phát hiện thiếu bản kê khai. Thời điểm kê khai phục vụ công tác cán bộ được thực hiện chậm nhất 10 ngày trước khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác.

Tuy nhiên, cũng cần phải làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị thiếu trách nhiệm trong tổ chức việc kê khai tài sản, thu nhập và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ, kịp thời yêu cầu của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Hỏi: *Sở A đang thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với ông B, như vậy việc kê khai phục vụ công tác cán bộ sẽ thực hiện theo mẫu nào, thời kỳ kê khai tính từ ngày nào, hoàn thành bản kê khai khi nào?*

Trả lời: Bản kê khai phục vụ công tác cán bộ được áp dụng theo mẫu bản kê khai hằng năm, tựa đề bản kê khai phải ghi rõ “BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ”.

Thời kỳ kê khai tính từ mốc chốt số liệu của bản kê khai hằng năm/bổ sung gần nhất đến thời điểm kê khai phục vụ công tác cán bộ; trường hợp chưa có bản kê khai hằng năm/bổ sung thì tính từ mốc chốt số liệu của bản kê khai lần đầu. Việc kê khai phải hoàn thành trước cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm theo quy trình công tác cán bộ.

II. NHÓM CÂU HỎI VỀ ĐỐI TƯỢNG KÊ KHAI

Hỏi: *Có một số cơ quan, đơn vị còn thắc mắc đối với định nghĩa “Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương” theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP được hiểu như thế nào? Có phải là những chức danh lãnh đạo?*

Trả lời: Căn cứ theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang thì quy định về phụ cấp chức vụ từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên cũng có sự khác nhau, cụ thể như: Phó Trưởng phòng cấp Sở và tương đương là 0,3; Phó Chánh Văn phòng, Phó Trưởng phòng cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố là 0,3 hoặc 0,2 (tùy thuộc vào tiêu chí xác định loại đô thị); Phó Trưởng phòng Chi cục và tương đương trực thuộc Sở là 0,2;....

Theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: *“Những người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ Phó Trưởng phòng và tương đương trở lên công tác trong một số lĩnh vực được xác định trong danh mục tại Phụ lục III phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm”*.

Như vậy, việc xác định *“tương đương”* sẽ theo quyết định bổ nhiệm và mức hưởng phụ cấp của cán bộ, công chức đó; đồng thời theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được hưởng phụ cấp lãnh đạo, quản lý (*phụ cấp chức vụ*); hệ số phụ cấp chức vụ có thể không ngang nhau nhưng đều giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong đơn vị đó thì thuộc phạm vi nội hàm là *“Phó trưởng phòng và tương đương”*.

Hỏi: *Theo tôi nghiên cứu, Phụ lục III ban hành tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ, vị trí kế toán, thủ quỹ thuộc diện kê khai hằng năm. Như vậy, tôi là thủ quỹ tại Trường THPT A có phải kê khai hằng năm hay không?*

Trả lời: Căn cứ Điều 34 Luật PCTN, đối tượng viên chức có nghĩa vụ kê khai chỉ áp dụng đối với người giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Do anh/chị không thuộc đối tượng có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập nói chung, vì vậy không áp dụng theo Phụ lục III ban hành tại Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngoài ra, anh/chị cần nhận thức Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ là phụ lục của 105 lĩnh vực, không phải phụ lục chức danh cụ thể; Phụ lục này chỉ áp dụng cho người có chức vụ, nếu không có chức vụ thì mặc định không cần đối chiếu phụ lục này.

Hỏi: *Đề nghị hướng dẫn cụ thể hơn việc xác định chức vụ tương đương Phó Trưởng phòng trở lên; cụ thể các chức danh cán bộ, công chức cấp xã, phường phải kê khai hằng năm là chức danh nào?*

Trả lời: Đề nghị anh/chị nghiên cứu quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức của HĐND, UBND cấp xã và Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương. Theo đó, cơ cấu tổ chức của UBND cấp xã không có cấp phòng, ban chuyên môn trực thuộc mà chỉ có các công chức cấp xã quản lý theo lĩnh vực. Những công chức này không có chức vụ, không có phụ cấp chức vụ do đó không thể xem là đối tượng *“Từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên”* mà chỉ áp dụng cho Chủ tịch UBND cấp xã, Phó Chủ tịch UBND cấp xã.

Tại HĐND cấp xã, do đây cũng là cơ quan thuộc chính quyền địa phương nên các chức vụ Chủ tịch HĐND cấp xã, Phó Chủ tịch HĐND cấp xã cũng thuộc vị trí *“Từ Phó Trưởng phòng hoặc tương đương trở lên”* theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương.

Hỏi: *Tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020: “1. Các ngạch công chức và chức danh sau đây:” được hiểu như thế nào? Có phải “các ngạch công chức” theo Luật Cán bộ, công chức ngạch công chức bao gồm: chuyên viên cao cấp và tương đương; chuyên viên chính và tương đương; chuyên viên và tương đương; cán sự và*

tương đương; nhân viên....” và chức danh sau đây:” chấp hành viên; điều tra viên; kế toán viên; kiểm lâm viên...

1. Cho em hỏi khoản 1 này được hiểu là các ngạch của công chức (06 ngạch) và các chức danh từ chấp hành viên đến thẩm phán phải kê khai tài sản hằng năm hay được hiểu là các ngạch công chức được bổ nhiệm thành các chức danh từ chấp hành viên đến thẩm phán?

2. Công chức có phải kê khai tài sản hằng năm không?

3. Kế toán là công chức chưa thi lên chức danh kế toán viên thì có phải kê khai tài sản hằng năm không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định 13 ngạch công chức và chức danh có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm: Chấp hành viên, điều tra viên, kế toán viên, kiểm lâm viên, kiểm sát viên, kiểm soát viên ngân hàng, kiểm soát viên thị trường, kiểm toán viên, kiểm tra viên của Đảng, kiểm tra viên hải quan, thanh tra viên, kiểm tra viên thuế, thẩm phán.

- *Ý thứ nhất:* Cụm từ “Các ngạch công chức và chức danh” được hiểu là người đang giữ ngạch công chức kèm theo các chức danh nêu trên. Như vậy, có thể hiểu người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập bao gồm 02 điều kiện: vừa là công chức vừa giữ các chức danh được nêu tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- *Ý thứ hai:* Từ căn cứ tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ thì công chức sẽ phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm nếu có đủ 02 điều kiện: vừa là công chức, vừa giữ một trong mười ba chức danh đã được liệt kê. Nếu không đủ một trong hai điều kiện trên, thì công chức không cần kê khai tài sản thu nhập hằng năm.

- *Ý thứ ba:* Kế toán là công chức chưa thi lên chức danh kế toán viên thì không phải kê khai tài sản hằng năm vì không đủ điều kiện kê khai tài sản, thu nhập hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

III. NHÓM CÂU HỎI VỀ NỘI DUNG KÊ KHAI

Hỏi: Trong biểu mẫu kê khai tài sản, thu nhập theo Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ không có mục kê khai tài sản là hợp đồng bảo hiểm, vậy đối với tài sản là hợp đồng bảo hiểm thì phải kê khai như thế nào khi trên thực tế có nhiều loại bảo hiểm như một dạng đầu tư hoặc sinh lời như gửi tiết kiệm, đồng thời có những bảo hiểm có mức đóng trên 50 triệu đồng hoặc giá trị tích lũy trên 50 triệu đồng. Như vậy khi phát sinh thu nhập từ bảo hiểm thì phải kê khai như thế nào?

Trả lời: Tại điểm b khoản 1 Điều 35 Luật PCTN năm 2018 quy định các loại tài sản, thu nhập phải kê khai bao gồm: “Kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và động sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng trở lên”. Hiện nay, trên thị trường xuất hiện nhiều loại bảo hiểm kết hợp tiết kiệm - đầu tư. Nghĩa là: Trong số tiền người mua bảo hiểm đóng vào hàng năm, sẽ có một tỉ lệ nhất định là đóng phí bảo hiểm, còn lại là gửi tiết kiệm hoặc tham gia các quỹ đầu tư (dưới hình thức mua chứng chỉ quỹ) và được coi là một loại “giấy tờ có giá”.

Như vậy, đối với hợp đồng bảo hiểm, người có nghĩa vụ kê khai sẽ phải kê khai hợp đồng bảo hiểm nếu tổng giá trị của hợp đồng khi mua có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên và kê khai tại mục 6. Phần II. Thông tin mô tả về tài sản tại Phụ lục I - Mẫu bản kê khai tài sản thu nhập của Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Hỏi: *Theo quy định, việc Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên. Trường hợp trong năm tổng thu nhập của vợ chồng là 400 triệu (không thay đổi so với năm trước), thì có thuộc đối tượng kê khai bổ sung hay không?*

Trả lời: Theo ví dụ tại Phụ lục đính kèm Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ quy định về việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, tổng thu nhập trong năm của gia đình (giả sử là 400 triệu) được ghi nhận là khoản biến động thu nhập trong năm (+400 triệu).

Theo khoản 2 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 quy định: “Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên”.

Như vậy, trường hợp trong năm, tổng thu nhập của vợ chồng là 400 triệu thì người có nghĩa vụ kê khai cần kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

Hỏi: *Giả sử năm 2022 tôi đầu tư lãi 200 triệu đồng. Năm 2023, tôi đầu tư lãi 150 triệu đồng, tổng tài sản của tôi đã tăng 350 triệu sau 2 năm. Tài sản kê khai bổ sung có phải cộng gộp hằng năm không? Vậy tôi có phải kê khai số tiền này không?*

Trả lời: Kiểm soát tài sản, thu nhập là hoạt động của Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thực hiện để biết rõ tài sản, thu nhập, biến động về tài sản, thu nhập, nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm của người có nghĩa vụ kê khai nhằm phòng ngừa tham nhũng, phục vụ công tác cán bộ, kịp thời phát hiện tham nhũng, ngăn chặn hành vi tẩu tán tài sản tham nhũng, thu hồi tài sản tham nhũng. Bên cạnh việc người có nghĩa vụ kê khai tự thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập lần đầu của mình, việc kê khai bổ sung cũng là một bước rất quan trọng trong kiểm soát tài sản thu nhập.

Khoản 2 Điều 36 Luật PCTN năm 2018 quy định: “Kê khai bổ sung được thực hiện khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập”. Luật xác định mốc biến động (tăng hoặc giảm) là 300 triệu đồng một năm dựa trên mức thu nhập thực tế trung bình của xã hội. Mức tăng 300 triệu đồng một năm được cho là mức hợp lý mà một người có thể có được mà không có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực. Do đó, nếu tài sản của bạn không biến động đến 300 triệu đồng trong một năm, (dù tổng nhiều năm số tài sản, thu nhập tăng thêm trên 300 triệu đồng) thì bạn không phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung.

Hỏi: *Cha mẹ cho tôi một thửa đất, nhưng chỉ nói miệng chưa làm giấy tờ. Như vậy tôi có cần kê khai thửa đất này hay không?*

Trả lời: Việc cho tặng là quan hệ dân sự, mặc dù việc tặng cho bằng lời nói vẫn có giá trị pháp lý nhưng thực tế khó chứng minh cũng như xác minh; người tặng, cho hoàn toàn có thể đổi ý không tặng, cho nữa vì nhiều lý do, nhất là khi không có chứng cứ chứng minh việc đã hứa tặng, cho (*ghi âm, ghi hình, người làm chứng, v.v*).

Do đó, mặc dù tinh thần vẫn khuyến khích anh/chị kê khai đầy đủ, tuy nhiên nếu lời hứa cho, tặng chưa được xác lập bằng văn bản cụ thể, không có chứng cứ chứng minh việc hứa tặng, cho thì khuyến nghị chưa kê khai thửa đất này vào bản kê khai để tránh trường hợp khi người tặng, cho đổi ý không tặng, cho nữa thì anh/chị phải giải trình biến động. Sau khi có văn bản tặng, cho cụ thể thì có thể kê khai vào.

Hỏi: *Nếu các khoản thu nhập có được trong năm đã sử dụng để trả nợ mua đất và sinh hoạt gia đình (không còn dư) thì có phải kê khai tại điểm 10 mục II (tổng thu nhập giữa hai lần kê khai) và giải trình về nguồn gốc của tài sản thu nhập tăng thêm (tại điểm 9 mục III - Mẫu bản kê khai TSTN) hay không?*

Trả lời: Tại Phụ lục I của Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, phần B, mục IV, ghi chú số 32 có hướng dẫn như sau:

Với điểm 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai, thuộc mục III. Biến động tài sản, thu nhập; giải trình nguồn gốc của tài sản thu nhập tăng thêm, cần phải ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột “giá trị tài sản, thu nhập” và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê khai.

Như vậy, việc kê khai tổng thu nhập giữa hai lần kê khai được thực hiện kể từ bản kê khai tài sản, thu nhập lần thứ hai trở đi (bản kê khai tài sản, thu nhập lần đầu không cần kê khai mục này). Khái niệm “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai” tại điểm 9, mục III không phải là kết dư thu nhập sau khi trừ đi các khoản chi phí sinh hoạt hay trả nợ của gia đình. Cần hiểu “Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai” là tổng của các khoản thu nhập trong khoảng thời gian giữa hai lần kê khai tài sản, thu nhập.

Vì vậy, việc kê khai là không có thu nhập như vậy là chưa chính xác, mà cần phải cộng tổng tất cả các khoản thu nhập phát sinh trong khoảng thời gian giữa hai lần kê khai tài sản, thu nhập.

Hỏi: *Cha mẹ có 01 thửa đất nông nghiệp, hiện cho tôi mượn sử dụng để hưởng hoa lợi trên đất đó. Như vậy tôi có cần kê khai thửa đất này hay không?*

Trả lời: Do quyền sử dụng thực tế đối với thửa đất vẫn là của cha mẹ anh/chị, họ vận dụng quyền của người sử dụng đất để cho người kê khai mượn sử dụng để khai thác. Do đó, Thanh tra tỉnh khuyến nghị chưa kê khai thửa đất này vào bản kê khai, tuy nhiên các khoản thu nhập đến từ đất này phải được kê khai đầy đủ vào tổng thu nhập.

Hỏi: Tôi không có đất, nhà riêng mà đang ở chung với cha, mẹ, như vậy tôi có cần kê khai thửa đất, nhà của cha, mẹ hay không?

Trả lời: Do quyền sử dụng thực tế đối với thửa đất, nhà vẫn là của cha mẹ anh/chị nên anh/chị không cần kê khai.

Hỏi: Tôi có góp tiền với một người bạn để mua một miếng đất, chúng tôi thống nhất để bạn tôi đứng tên trên Giấy CNQSDĐ. Như vậy tôi có phải kê khai thửa đất này vào bản kê khai không?

Trả lời: Trên phương diện pháp lý, do thửa đất này được cấp cho bạn của người kê khai (không phải cấp chung cho cả hai), do đó không cần kê khai vào bản kê khai; tuy nhiên phải thể hiện việc góp tiền mua đất tại mục Vốn góp và thể hiện chi tiết thông tin góp tiền mua đất.

Hỏi: Năm 2022, tôi có vay ngân hàng là 300 triệu, trong đó 100 triệu để mua xe, 200 triệu còn lại tôi cho người thân vay. Đến năm 2023 người thân tôi trả lại cho tôi 200 triệu, tôi dùng số tiền đó để đi trả ngân hàng. Vậy tôi có phải kê khai vào tổng thu nhập chung không?

Trả lời: Theo hướng dẫn tại mục III. Thông tin mô tả về tài sản tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định: Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên phải kê khai tài sản, thu nhập.

Như vậy, anh/chị vay ngân hàng số tiền là 300 triệu đồng, mặc dù trong hướng dẫn bản kê khai tài sản, thu nhập không có mục kê khai các “khoản vay”. Tuy nhiên, anh/ chị sử dụng số tiền đó để mua xe và cho vay, anh/chị nên kê khai theo mẫu tại Phụ lục 1 như sau:

- Tại mục 7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:
 - + Tên tài sản: Xe ô tô/ Xe máy (Anh/chị có thể bổ sung tại Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm là do vay tiền ngân hàng 100 triệu đồng).
- Tại mục 5. Tiền (tiền Việt Nam và ngoại tệ):
 - + Tiền cho vay: 200 triệu đồng (Anh/chị có thể bổ sung tại Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm là do vay tiền ngân hàng 200 triệu đồng).

Hỏi: Tôi vay của ngân hàng S số tiền 300 triệu đồng nên trong tài khoản ngân hàng tôi phát sinh tăng số tiền trên, như vậy tôi có phải kê khai số tiền này vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai hay không?

Trả lời: Tiền vay về bản chất không phải là thu nhập, do đó anh/chị không cần kê khai vào mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai; tuy nhiên trường hợp tại thời điểm kê khai mà số tiền này vẫn còn thì anh/chị cần khai vào mục Tiền.

Hỏi: Tôi có mở một thẻ tín dụng tại ngân hàng X, hạn mức 50 triệu đồng. Tại thời điểm kê khai, số tiền hạn mức khả dụng của tôi là 50 triệu đồng, tôi có cần kê khai số tiền này vào mục Tiền hay không?

Trả lời: Số tiền này là hạn mức tín dụng mà anh/chị được quyền sử dụng, chứ không phải số tiền hiện hữu nên không cần kê khai.

Hỏi: Đối với những tài sản là cây cảnh khó định giá thì phải kê khai như thế nào?

Trả lời: Có hai trường hợp xảy ra:

- Trường hợp cây kiểng do bản thân người kê khai trồng và chăm sóc thì giá trị là tổng chi phí đã chi trả để hoàn thành việc trồng cây kiểng tại thời điểm trồng cây (tiền giống, tiền cây, tiền chậu, phân bón, thuốc, v.v).

- Trường hợp cây kiểng do mua về thì giá trị được tính là giá giao dịch thực tế.

Cả hai trường hợp nêu trên vẫn đảm bảo nguyên tắc kê khai theo loại tài sản mà tổng giá trị của loại tài sản đó từ 50 triệu đồng trở lên.

Hỏi: Tôi không thuộc diện kê khai hằng năm, trong năm tôi được cha mẹ cho thừa kế một thửa đất, trên đất có một căn nhà cấp 3 nhưng không biết giá trị thì có phải kê khai bổ sung hay không?

Trả lời: Theo Hướng dẫn tại chú thích số 10 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP của Chính phủ, trường hợp đất, nhà được tặng cho, thừa kế thì giá trị thửa đất phải được xác định theo giá thị trường tại thời điểm được tặng cho, thừa kế và ghi “Giá trị ước tính”. Tuy nhiên, nếu không có trường hợp sang nhượng, mua bán tương tự tại thời điểm tặng cho, thừa kế để xác định giá thị trường thì theo quy định là ghi không xác định được giá trị kèm lý do.

Tuy nhiên, Thanh tra tỉnh khuyến nghị anh/chị có thể căn cứ vào bảng giá đất, bảng giá nhà của UBND tỉnh có hiệu lực tại thời điểm tặng cho, thừa kế để xác định giá trị trong trường hợp không xác định được giá thị trường; nếu giá trị thửa đất trên 300 triệu đồng thì thực hiện kê khai bổ sung.

Đồng thời, trước khi thực hiện việc căn cứ theo bảng giá đất, bảng giá nhà, anh/chị cần đảm bảo đã khảo sát kỹ giá thị trường khu vực xung quanh đất và nhà được nhận tặng cho, thừa kế; tránh sai sót trong quá trình kê khai sẽ ảnh hưởng đến quá trình xác minh tài sản sau này.

Hỏi: Vào kỳ kê khai lần trước, tôi có 01 căn nhà diện tích 50m², giá trị lúc xây dựng là 50 triệu đồng. Sang năm 2023, tôi đập bỏ căn nhà này để xây nhà mới có diện tích 150 m², giá trị xây dựng là 02 tỷ đồng. Như vậy tôi chỉ giải trình biến động tăng 01 căn nhà mới tại Phần III của bản kê khai là đầy đủ phải không?

Trả lời: Cách giải trình biến động của anh/chị không đầy đủ; về bản chất tài sản, anh/chị đã giảm 01 căn nhà cũ (do đập bỏ) và tăng 01 căn nhà mới (xây mới), vì vậy anh/chị cần phải khai biến động giảm 01 căn nhà cũ, biến động tăng 01 căn nhà mới trong Phần III của bản kê khai.

Hỏi: Xin hỏi mục Tiền (mục số 5 Phần II bản kê khai) với mục Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (mục số 10 Phần II bản kê khai) khác nhau như thế nào?

Trả lời: Anh/chị có thể hiểu qua ví dụ như sau:

Tình huống: Trong thời kỳ kê khai từ 30/11/2022 đến 01/12/2023, ông A đã thu nhập được 500 triệu đồng, ông A đã sử dụng 440 triệu đồng. Tại thời điểm 01/12/2023, ông A còn lại 60 triệu đồng.	
Tiền	Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai
Kê khai 60 triệu đồng vào mục này	Kê khai 500 triệu đồng vào mục này